

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YP
TỈNH BN**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Bản án số: 06/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 26/4/2023

V/v “Tranh chấp Hôn nhân
& Gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YP, TỈNH BN

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Minh H.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Trương Văn T, bà Nguyễn Thị H.

- Thư ký phiên toà: Bà Tạ Thị Bích Ng- Thư ký Toà án nhân dân huyện YP, tỉnh BN.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện YP tham gia phiên toà: Bà Trần Thị H - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện YP, tỉnh BN, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 29/2023/TLST-HNGĐ ngày 23/02/2023 về việc Tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 30/3/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Đặng Văn Th, sinh năm 1988. Có mặt

Bị đơn: Chị Vũ Thị N, sinh năm 1991. Vắng mặt

Cùng trú tại: Thôn Đ, xã TG, huyện YP, tỉnh BN.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn là anh Đặng Văn Th trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Đặng Văn Th và chị Vũ Thị N kết hôn ngày 17/02/2012, trước khi cưới có được tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã TG, huyện YP, tỉnh BN, có tổ chức lễ cưới theo nghi thức truyền thống. Sau khi cưới, chị N về ngay nhà anh chung sống, làm ăn chung cùng gia đình anh được 1 năm thì bố mẹ cho vợ chồng ra ăn riêng, ở riêng trên nhà đất của bố mẹ anh.

Vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ khi về chung sống được 1 thời gian ngắn. Nguyên nhân là do anh đi làm thường xuyên về muộn nhưng chị N cũng không hỏi han gì. Sau đó, vợ chồng thường xuyên không chia sẻ, không ai quan tâm đến ai, vợ chồng sống chung nhà nhưng ít khi nói chuyện với nhau, việc ai người đó làm.

Từ đó, tình cảm vợ chồng lạnh nhạt dần và đã sống ly thân từ tháng 7/2021 đến Ny. Hiện Ny, chị N và cháu Linh vẫn đang sống tại nhà đất của gia đình anh, còn anh đi thuê trọ chỗ khác, thỉnh thoảng vẫn về thăm gia đình. Đến Ny, anh xác định anh không còn tình cảm vợ chồng với chị N và đề nghị Toà án giải quyết cho anh ly hôn chị N.

Về con chung: Anh Thắng xác định vợ chồng có 01 con chung là Đặng Gia L, sinh ngày 24/10/2012. Hiện cháu L đang ở với chị N. Khi ly hôn, anh đồng ý cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng cháu L. Về cấp dưỡng nuôi con, anh không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ: Anh Th không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai, bị đơn là chị Vũ Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị công nhận những lời trình bày của anh Thắng về thời gian, điều kiện kết hôn là đúng. Trong quá trình chung sống, đến tháng 6/2021 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh Thắng có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác nên vợ chồng tránh mặt nhau, không nói chuyện, không quan tâm đến nhau, không chia sẻ, việc ai người đó làm. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 7/2021 đến Ny. Ny anh Thắng xin ly hôn, chị không đồng ý vì con còn nhỏ, chị muốn con có đầy đủ cả bố và mẹ. Chị xác định cuộc sống cứ diễn ra như hiện Ny mỗi người 1 nơi, mỗi người 1 việc, anh Thắng thích về nhà lúc nào thì về, không ảnh hưởng đến mẹ con chị N.

Về con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung là Đặng Gia L, sinh ngày 24/10/2012. Hiện Ny, cháu Linh đang ở với chị. Trường hợp phải ly hôn thì chị xin nuôi dưỡng cháu L. Chị không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con. Hiện chị làm nhân viên văn phòng của Công ty TNHH Dea Myung tại KCN YP, thu nhập bình quân từ 10-15 triệu đồng/tháng. Về chỗ ở thì hiện tại chị đang sinh sống trên nhà đất của bố mẹ chồng tại thôn Đ, xã TG, huyện YP, tỉnh BN.

Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp, đất nông nghiệp: Chị không yêu cầu Toà án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành. Vì vậy, Toà án đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa, anh Th vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn chị N và đồng ý để chị N nuôi dưỡng con chung, ngoài ra không đề nghị gì thêm. Chị N đã được Toà án triệu tập lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện YP phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký phiên tòa, Hội đồng xét xử kể từ khi Toà án thụ lý vụ án cho đến phần tranh luận tại phiên tòa là đảm bảo theo đúng trình tự, thủ tục quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật

Tổ tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các điều 51,56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điều 28, 35, 36,39, 147, 232, 235, 262, 266 Bộ luật Tố tụng dân sự:

Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận đơn xin ly hôn của anh Đặng Văn Th.

Về quan hệ hôn nhân: Anh Đặng Văn Th được ly hôn chị Vũ Thị N.

Về con chung: Giao con chung là Đặng Gia L, sinh ngày 24/10/2012 cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con không đặt ra giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung, trích chia công sức: Không xem xét giải quyết.

Về án phí: Đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã giao Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập phiên tòa hợp lệ đối với chị Vũ Thị N đến Tòa án để tham gia tố tụng tại phiên tòa, nhưng chị N vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử đã ra quyết định hoãn phiên tòa, sau đó Tòa án đã giao Quyết định hoãn phiên tòa và triệu tập hợp lệ đối với chị N để chị N tham gia tố tụng tại phiên tòa, nhưng chị N vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo qui định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Anh Thắng có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về việc ly hôn và con chung nên đây là vụ án Hôn nhân và gia đình về việc “Ly hôn, tranh chấp về con chung” được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền: Bị đơn là chị Vũ Thị N, trú tại thôn Đ, xã TG, huyện YP, tỉnh BN. Vì vậy, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện YP, tỉnh BN thụ lý, giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền.

[2] *Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh Đặng Văn Th và chị Vũ Thị N thực hiện việc đăng ký kết hôn vào ngày 17/02/2012 tại UBND xã TG, việc đăng ký kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc và tuân thủ các điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa anh Thắng và chị N là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Xét đời sống tình cảm trong quá trình hai vợ chồng chung sống

đã có nhiều mâu thuẫn xảy ra. Anh Thắng và chị N đều xác định vợ chồng anh chị đã sống ly thân từ tháng 7/2021 đến Ny. Vợ chồng tránh mặt nhau, không nói chuyện, không quan tâm đến nhau, việc ai người đó làm, không chia sẻ tình cảm vợ chồng. Chị N cho rằng do anh Thắng còn có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác. Ny anh Thắng xác định vợ chồng không còn tình cảm và đề nghị được ly hôn chị N. Chị N không đồng ý ly hôn vì con còn nhỏ, muốn con có gia đình đầy đủ nhưng chị lại xác định vẫn để cuộc sống diễn ra như hiện Ny mỗi người 1 nơi, mỗi người 1 việc, anh Thắng thích về nhà lúc nào thì về.

Từ những lời khai trên của các đương sự cho thấy đời sống tình cảm vợ chồng giữa anh Thắng và chị N không hạnh phúc, mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Th, xử cho anh Thắng được ly hôn chị N là phù hợp.

Về con chung: Anh Thắng và chị N có 01 con chung là Đặng Gia L, sinh ngày 24/10/2012. Hiện Ny, cháu Linh đang ở với chị N. Ly hôn chị N xin nuôi dưỡng con chung, anh Thắng đồng ý. Vì vậy, khi ly hôn cần giao con chung là Đặng Gia Linh, sinh ngày 24/10/2012 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Th và chị N không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp, đất nông nghiệp: Anh Thắng và chị N đều không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] *Về án phí:* Anh Th phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 8, Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 92; Điều 143, Điều 144, Điều 146, khoản 4 Điều 147, Điều 203, Điều 227, Điều 228, Điều 233, Điều 235, Điều 266, Điều 267, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Xử cho anh Đặng Văn Th được ly hôn chị Vũ Thị N.

2. *Về con chung và cấp dưỡng*: Giao con chung là Đặng Gia L, sinh ngày 24/10/2012 cho chị Vũ Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con không đặt ra giải quyết.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. *Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp, đất nông nghiệp*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. *Về án phí*: Anh Đặng Văn Th phải chịu 300.000đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm. Xác nhận anh Thắng đã nộp 300.000đồng tạm ứng án phí theo biên lai số: AA/2021/0004666 ngày 22 tháng 02 năm 2023 tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện YP. Anh Đặng Văn Th đã nộp đủ án phí.

5. *Về quyền kháng cáo*: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BN;
- VKSND h. YP;
- Chi cục THADS h. YP
- Các đương sự;
- UBNDx.TG;
- Lưu HS, VP

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Minh H

